

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2025
V/v Ly hôn giữa
Bà D và ông B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
- Ông Nguyễn Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 721/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mỹ D, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số nhà C, ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thanh B cưới nhau năm 2009 và đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2009 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B không lo làm ăn, nhiều lần đánh bà nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Năm 2020, bà đã nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cần Đước nhưng sau đó do muốn vợ chồng hàn gắn nên bà đã rút khởi kiện. Tuy nhiên, sau này ông B vẫn không thay đổi tính tình nên vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn; hiện tại vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Trong khoảng thời gian sống ly thân, cả hai bên đều không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 16/12/2013, hiện hai con đang sống cùng bà và ông B. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cho ông B được trực tiếp nuôi cả hai con chung, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận công việc nên bà Bùi Thị Mỹ D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

- Về hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà Bùi Thị Mỹ D về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng. Sau khi cưới, vợ chồng vẫn chung sống bình thường, giữa ông và bà D không có mâu thuẫn gì trầm trọng; quá trình chung sống thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày, không có việc ông đánh bà D. Theo ông nguyên nhân dẫn đến việc bà D yêu cầu ly hôn là do bà D và anh chị em của ông có mâu thuẫn. Hiện tại, ông và bà D vẫn chung sống bình thường với nhau, không có việc vợ chồng sống ly thân như bà D trình bày. Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý do hiện tại ông vẫn còn tình cảm với bà D và hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 16/12/2013, hiện hai con đang sống cùng ông và bà D. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Ông B có nơi cư trú tại ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt, bà Bùi Thị Mỹ D có đơn

yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông B

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà Bùi Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà D nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông B không lo làm ăn, nhiều lần đánh bà nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau, bà đã cho ông B cơ hội sửa chữa nhưng ông B vẫn không thay đổi tính tình, từ đó bà không còn tình cảm với ông B và yêu cầu được ly hôn. Theo ông B thì ông không đồng ý ly hôn vì hiện tại ông vẫn còn tình cảm với bà D và hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông B và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Trong khi đó ông B cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau, chủ yếu do bà D và anh chị em của ông có mâu thuẫn với nhau nhưng ông B không đưa ra được biện pháp hàn gắn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà D với ông B đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà D yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Mỹ D.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 16/12/2013, hiện hai con đang sống cùng ông B và bà D. Ông B yêu cầu nuôi hai con chung và bà D đồng ý, nguyện vọng của cháu N và cháu Nghĩa L được sống cùng ba nên phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận yêu cầu được nuôi cháu N và cháu N1 của ông Nguyễn Thanh B. Bà D có trách nhiệm giao cháu N và cháu N1 cho ông B nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: bà Bùi Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: bà Bùi Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh B đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: bà Bùi Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: bà Bùi Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Thanh B.

1. Về hôn nhân: bà Bùi Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

2. Về nuôi con chung: ông Nguyễn Thanh B được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 16/12/2013. Bà Bùi Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà D có trách nhiệm giao cháu N và cháu N1 cho ông B nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản: bà Bùi Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không đề cập xem xét.

4. Về nợ: bà Bùi Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh B đều xác định không có nợ chung nên không đề cập xem xét giải quyết.

5. Về án phí: bà Bùi Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà D đã nộp theo biên

lai thu số 0012941 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước sang án phí để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- CCTHADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung